

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN KRÔNG PẮC
TỈNH ĐẮK LẮK

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 45/2022/HNGĐ-ST

Ngày 30/8/2022

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trịnh Thị Oanh.
2. Ông Nguyễn Văn Hải.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhị – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk, tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Quỳnh Hoa – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2022, tại Hội trường xét xử trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 310/2021/TLST - HNGĐ ngày 08/10/2021, về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50a/2022/QĐXX-ST ngày 15/8/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần Thái H, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Thôn Ch, xã Kr, huyện Kr, tỉnh Đắk Lắk.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thùy L, sinh năm 1974.

HKTT: Thôn Ch, xã Kr, huyện Kr, tỉnh Đắk Lắk

Hiện đang chấp hành án tại: Trại giam Th – Bộ Công An.

(Ông H, bà L vắng mặt – Có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, quá trình làm việc tại Tòa án ông Trần Thái H trình bày như sau:

Tôi và bà Nguyễn Thị Thùy L sống chung với nhau từ năm 2001 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã E, huyện Kr, tỉnh Đắk Lắk ngày 25/9/2002

Sau khi cưới vợ chồng tôi sống với nhau chỉ hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, là do vợ chồng không cùng quan điểm sống, không có tiếng nói chung nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Mặc dù ông và bà L đều cố gắng sắp xếp vun đắp để gia đình yên ấm, hòa thuận song

không có kết quả. Đến năm 2014 bà L đã bế theo con út bỏ nhà đi, năm 2017 thì bà L vi phạm pháp luật và đang chấp hành án tại Trại giam Th – Bộ Công An. Địa chỉ: Thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Thuận. Bản thân tôi xét thấy vốn dĩ vợ chồng đã không còn tình cảm với nhau. Thời gian vợ chồng xa nhau đã quá lâu nên tôi cũng không còn yêu thương bà L nữa. Do vậy, tôi nộp đơn đến Tòa án với nguyện vọng xin được ly hôn với bà Nguyễn Thị Thùy L.

+ *Bị đơn bà Nguyễn Thị Thùy L trình bày:*

Tôi với ông Trần Thái H chung sống với nhau từ năm 2001 trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã E, huyện Kr, tỉnh Đắk Lắk ngày 25/9/2002. Sau khi cưới vợ chồng sống với nhau không có mâu thuẫn gì. Đến ngày 08/9/2018 bà bị bắt do vi phạm pháp luật và phải chấp hành án với thời hạn 7 năm tù, từ đó ông H không một lần thăm hỏi, không một lần động viên. Tuy nhiên, do vợ chồng không có mâu thuẫn gì với nhau. Do vậy, bà không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông Trần Thái H.

+ Về con chung: Ông Trần Thái H và bà Nguyễn Thị Thùy L cùng xác nhận: Trong quá trình chung sống vợ chồng có 03 người con chung:

1/Cháu Trần Thái H1, sinh ngày 05/6/2002;

2/ Cháu Trần Thế H2, sinh ngày 05/9/2003;

3/ Cháu Trần Phúc L, sinh ngày 09/02/2012.

Nguyện vọng của ông H là xin được nuôi dưỡng con chung là cháu Trần Phúc L và không yêu cầu bà L phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Đối với cháu Trần Thái H1, sinh ngày 05/6/2002 và cháu Trần Thế H2, sinh ngày 05/9/2003 hiện nay đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyện vọng của bà L là sau khi chấp hành xong hình phạt tù thì bà sẽ giành lại quyền nuôi con.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Theo ông H thì hiện tại vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nguyện vọng của bà L là bà sẽ yêu cầu Tòa án giải quyết sau khi bà chấp hành án xong.

Tại phiên tòa nguyên đơn ông Trần Thái H và bị đơn bà Nguyễn Thị Thùy L vắng mặt - có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc phát biểu quan điểm tại phiên tòa:

+ Về việc tuân theo pháp luật: Sau khi thụ lý vụ án Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của pháp luật; thành phần HĐXX tại phiên tòa đúng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử. Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Đề nghị HĐXX chấp nhận đơn khởi kiện của ông Trần Thái H:

Về quan hệ hôn nhân: Cho ông Trần Thái H ly hôn bà Nguyễn Thị Thùy L.

Về con chung: Giao cháu Trần Phúc L, sinh ngày 09/02/2012 cho ông Trần Thái H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi.

Đối với cháu Trần Thái H1, sinh ngày 05/6/2002; cháu Trần Thế H2, sinh ngày 05/9/2003 hiện nay đã trên 18 tuổi, các cháu tự quyết định cuộc sống riêng của mình, nên không đề nghị HĐXX giải quyết.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Trần Thái H không yêu cầu bà Nguyễn Thị Thùy L cấp dưỡng tiền nuôi cháu Trần Phúc L, nên không đề nghị HĐXX giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông Trần Thái H và bà Nguyễn Thị Thùy L không yêu cầu, nên không đề nghị HĐXX giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền:

+ Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ vào đơn khởi kiện của ông Trần Thái H đề ngày 04/10/2021, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” được quy định tại khoản 1 Điều 28 của BLTTDS.

+ Về thẩm quyền: Tại thời điểm ông Trần Thái H làm đơn khởi kiện, bị đơn bà Nguyễn Thị Thùy L có hộ khẩu thường trú tại: Thôn Ch, xã Kr, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc áp dụng điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn ông Trần Thái H và bị đơn bà Nguyễn Thị Thùy L có đơn xin xét xử vắng mặt, nên HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt là đảm bảo đúng quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Thái H và bà Nguyễn Thị Thùy L sống chung với nhau trên cơ sở tình yêu tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương và Đăng ký kết hôn tại UBND xã E, huyện Kr, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 25/9/2002. Đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định Luật Hôn nhân và Gia đình, nên được pháp luật thừa nhận.

Tuy nhiên, theo ông H thì sau khi cưới vợ chồng sống với nhau chỉ hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, là do vợ chồng không cùng quan điểm sống, không có tiếng nói chung nên thường xuyên cãi nhau. Đến năm 2014 bà L đã bế theo cháu L bỏ nhà đi, đến năm 2017 thì bà L vi phạm pháp luật và đang chấp hành án tại Trại giam Thủ Đức – Bộ Công An. Ông H xác định vợ chồng đã không còn tình cảm với nhau. Thời gian vợ chồng xa nhau từ năm 2014 đến nay, nên ông H cũng không còn tình cảm với bà L nữa, nên có nguyện vọng xin được ly hôn với bà L. Còn bà L thì cho rằng vợ chồng

không có mâu thuẫn gì, nhưng bà L cũng thừa nhận kể từ ngày bà L bị bắt ngày 08/9/2018 cho đến nay, ông H không một lần thăm hỏi, động viên bà.

Kết quả xác minh, chính quyền địa phương cung cấp: Sau khi ông H và bà L cưới và về chung sống tại địa phương thì vợ chồng cũng có mâu thuẫn. Đến năm 2014 thì bà L bế theo con nhỏ bỏ nhà đi, một thời gian sau thì vi phạm pháp luật. Sau khi bà L bỏ đi thì địa phương được biết trước khi đi khỏi địa phương bà L nợ một khoản tiền rất lớn, sau khi bà L bỏ đi ông H đã phải một mình nuôi con và thay bà L trả nợ. Hiện tại ông H, bà L đã không còn sống chung với nhau khoảng 8 năm. Do vậy, đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định của pháp luật cho ông H được ly hôn bà L để ông H ổn định cuộc sống.

Tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định:

“Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.”

Hội đồng xét xử xét thấy, tuy bà L cho rằng bà và ông H không có mâu thuẫn, nhưng bà cũng thừa nhận từ ngày bà L bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/9/2018 và đi chấp hành án tại Trại giam Th – Bộ Công An, về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, thì ông H chưa một lần đến thăm nuôi động viên tinh thần cho bà L. Như vậy, HĐXX xác định quan hệ hôn nhân giữa ông Trần Thái H và bà Nguyễn Thị Thùy L vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận đơn khởi kiện của ông Trần Thái H, cho ông Trần Thái H được ly hôn với bà Nguyễn Thị Thùy L.

+ Về con chung: Trong quá trình chung sống ông Trần Thái H và bà Nguyễn Thị Thùy L có ba người con chung là: Cháu Trần Thái H1, sinh ngày 05/6/2002; cháu Trần Thế H2, sinh ngày 05/9/2003; cháu Trần Phúc L, sinh ngày 09/02/2012.

Ông Trần Thái H có nguyện vọng sau khi ly hôn xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần Phúc L, sinh ngày 09/02/2012 cho đến lúc cháu đủ 18 tuổi, còn bà L có nguyện vọng là sau khi chấp hành xong hình phạt tù thì bà sẽ giành lại quyền nuôi con (như vậy, được hiểu là hiện nay bà L đang đi chấp hành án, nên bà cũng đồng ý để cho ông H nuôi cháu L). Hiện nay cháu Trần Phúc L đã trên 7 tuổi, khi giải quyết ly hôn thì phải xem xét nguyện vọng của con. Quá trình giải quyết vụ án, ông H xác định kể từ năm 2014 bà L đã đưa cháu L đi khỏi nhà, nên hiện nay ông không biết địa chỉ cư trú của cháu L, còn bà L thì đã bị bắt tạm giữ, tạm giam và đang đi chấp hành án tại Trại giam Th – Bộ Công An từ ngày 08/9/2018 đến nay.

Theo tinh thần giải đáp tại mục 8 chương II của công văn số: 01/GĐ-TANDTC ngày 05 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân tối cao: *“..... nguyện vọng của con từ đủ 07 tuổi trở lên chỉ là một trong những yếu tố Tòa án phải xem xét trong quá trình giải quyết vụ án, việc quyết định giao con cho bên nào trực tiếp nuôi phải căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con. Mặt khác, theo quy định*

tại Điều 214, Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì việc không lấy được lời khai của các con không phải là căn cứ để đình chỉ hay tạm đình chỉ giải quyết vụ án dân sự. Do vậy, Tòa án giải quyết theo thủ tục chung và căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con để xem xét, quyết định người trực tiếp nuôi dưỡng con”

Hội đồng xét xử thấy rằng, hiện tại bà Nguyễn Thị Thùy L đang phải chấp hành hình phạt 7 năm tù về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo Bản án hình sự sơ thẩm số 97/2019/HS-ST ngày 03/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm đồng tại Trại giam Th – Bộ Công An, nên không có đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trần Phúc L. Còn ông Trần Thái H hiện nay làm nghề cơ khí, có nhà cửa và thu nhập ổn định, có đầy đủ mọi điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, việc giao con cho ai nuôi dưỡng sau khi bố mẹ ly hôn cần phải đảm bảo sự phát triển mọi mặt cho cháu. Do vậy, HĐXX căn cứ các Điều 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình, giao cháu L cho ông H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến lúc cháu đủ 18 tuổi là phù hợp, đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Bà Nguyễn Thị Thùy L được quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai có quyền cản trở. Tuy nhiên, bà Nguyễn Thị Thùy L không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền thay đổi việc nuôi con chung và cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung.

Đối với cháu Trần Thái H1, sinh ngày 05/6/2002; cháu Trần Thế H2, sinh ngày 05/9/2003 hiện nay đã trên 18 tuổi, các cháu tự quyết định cuộc sống riêng của mình, HĐXX không đề cập giải quyết.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Quá trình giải quyết vụ án ông Trần Thái H không yêu cầu bà Nguyễn Thị Thùy L cấp dưỡng tiền nuôi cháu Trần Phúc L, nên HĐXX không xem xét giải quyết.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án ông Trần Thái H, bà Nguyễn Thị Thùy L không yêu cầu, nên HĐXX không đề cập giải quyết.

[5] Về án phí: ông Trần Thái H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Xét thấy quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk tại phiên tòa là phù hợp, HĐXX cần chấp nhận toàn diện ý kiến của Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

+ Về quan hệ hôn nhân: Cho ông Trần Thái H được ly hôn với bà Nguyễn Thị Thùy L.

+ Về con chung: Giao cháu Trần Phúc L, sinh ngày 09/02/2012 cho ông Trần Thái H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi.

Bà Nguyễn Thị Thùy L được quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai có quyền cản trở. Tuy nhiên, bà Nguyễn Thị Thùy L không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền thay đổi việc nuôi con chung và cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung.

Riêng cháu Trần Thái H1, sinh ngày 05/6/2002; cháu Trần Thế H2, sinh ngày 05/9/2003 hiện nay đã trên 18 tuổi, các cháu tự quyết định cuộc sống riêng của mình, HĐXX không đề cập giải quyết.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Trần Thái H không yêu cầu bà Nguyễn Thị Thùy L cấp dưỡng tiền nuôi cháu Trần Phúc L, nên HĐXX không xem xét giải quyết.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Ông Trần Thái H và bà Nguyễn Thị Thùy L không yêu cầu, nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

+ Về án phí: Ông Trần Thái H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 60AA/2021/0006525 ngày 05 tháng 10 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự Huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Ông Trần Thái H, bà Nguyễn Thị Thùy L được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhân:

- TAND huyện Krông Pắc;
- VKSND huyện Krông Pắc;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- THADS huyện Krông Pắc;
- Người tham gia tố tụng;
- UBND xã E;
-;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Hiền

